

Bản án số: 14/2025/DS-PT
Ngày: 10 - 01 - 2025
“V/v tranh chấp QSDĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng

Ông Nguyễn Phước Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hưng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 158/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 427/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Th T M, sinh năm 1946 (có mặt).
2. Bị đơn: Ông H T K, sinh năm 1961 (có mặt).
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà N T L, sinh năm 1963 (có mặt).

Các đương sự cùng địa chỉ: ấp Cây Gòn, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Bà Th T M, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22/4/2024 của nguyên đơn bà Th T M và trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày:

Bà Th T M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 96, tờ bản đồ số 17, diện tích 10.846,6m², loại đất ở và trồng cây lâu năm; thửa đất

số 96 giáp ranh với đất của ông H T K và bà N T L thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 17, diện tích 8.524,4m², loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, cùng tọa lạc ấp Cây Gòn, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình sử dụng đất đến năm 2020 phía ông Khiêm làm hàng rào lấn qua thửa đất số 96 có chiều ngang 50cm, dài 73,5m, diện tích khoảng 37m². Nay bà yêu cầu ông Khiêm, bà Ly tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại cho bà phần đất lấn chiếm.

Bị đơn ông H T K trình bày: Phần đất giáp ranh giữa ông với bà Mười đã có 02 trụ đá do bà Mười cắm khi đo đạc đất đai khoảng trên dưới 20 năm. Ông kéo hàng rào B40 khoảng 04 năm nay theo mốc ranh giới. Bà Mười cho rằng ông lấn chiếm khoảng 37m² là không đúng nên không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N T L trình bày: Vợ chồng bà không lấn đất của bà Mười nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Mười.

Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th T M về việc yêu cầu ông H T K và bà N T L tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại phần đất lấn chiếm theo đo đạc hiện trạng thuộc thửa tách 115-1, tờ bản đồ số 27, diện tích 68,9m², loại đất CLN, gồm các mốc 26, 27, 9, 28, 29, 30, 31, 26 (kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 03/10/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 18/11/2024 bà Th T M kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm, buộc ông H T K có nghĩa vụ tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại diện tích lấn chiếm tại thửa 115-1, tờ bản đồ số 27, diện tích 68,9m², loại đất CLN, tọa lạc ấp Cây Gòn, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Th T M trình bày: Giữ yêu cầu kháng cáo, yêu cầu buộc ông H T K có nghĩa vụ tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại diện tích lấn chiếm tại thửa 115-1, tờ bản đồ số 27, diện tích 68,9m², loại đất CLN.

- Ông H T K và bà N T L trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà Th T M, đồng ý với bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Th T M.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 06/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

Về án phí: Bà Th T M là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo ngày 18/11/2024 của bà Th T M còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 03/10/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn thì phần đất tranh chấp thuộc tách 115-1, diện tích 68,9m², loại đất CLN, gồm các mốc: 26, 27, 9, 28, 29, 30, 26. Phần đất không tranh chấp: Tách 115-2, diện tích 8473,5m², loại đất ONT + CLN; Thửa 96, diện tích 10846,6m² đất ONT + CLN. Đất tọa lạc ấp Cây Gòn, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Công văn số 166/CVCNVPĐKĐĐ ngày 03/10/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn: Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 17, diện tích 8542,4m², loại đất ONT + CLN, chủ sử dụng ông H T K và bà N T L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất số 96, tờ bản đồ số 17, diện tích 10846,6m² loại đất ONT + CLN, chủ sử dụng bà Th T M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất., tọa lạc ấp Cây Gòn, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Diện tích không thay đổi so với Giấy chứng nhận.

Như vậy, cộng phần đất tranh chấp và đất không tranh chấp thì hiện trạng thửa đất số 115 diện tích không tăng so với Giấy chứng nhận nên có căn cứ xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của ông H T K và bà N T L. Mặt khác, trong quá trình ông Khiêm, bà Ly đăng ký quyền sử dụng thửa đất số 115 thì bà Mười không có tranh chấp.

Cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Không chấp nhận kháng cáo của bà Th T M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số

114/2024/DS-ST ngày 06/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Th T M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th T M; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 06/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th T M về việc yêu cầu ông H T K và bà N T L tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại phần đất lấn chiếm theo đo đạc hiện trạng thuộc thửa tách 115-1, tờ bản đồ số 27, diện tích 68,9m², loại đất CLN, gồm các mốc 26, 27, 9, 28, 29, 30, 31, 26 (kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 03/10/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long).

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th T M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Th T M được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hùng

Nguyễn Thành Đăng

Nguyễn Văn Dũng

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện Trà Ôn: 01;
- THADS huyện Trà Ôn: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06.

Nguyễn Văn Dũng

